

Bản án số: 39/2020/HS-PT
Ngày 27-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Lê Thái Hưng

Ông Nguyễn Hữu Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoan - Thư ký TAND tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 27 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 49/2020/TLPT- HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Vũ Thanh T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án số: 26/2020/HS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Thanh T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 19 tháng 11 năm 1989 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Tổ 10 (thôn MC), thị trấn MA, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn Th và bà Lý Thị M; có vợ là: Phan Thị Thanh N và 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17-10-2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Thanh T:* Ông Nguyễn Văn G - Luật sư Công ty luật TNHH MTV LP Nghệ An thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Khối 01, thị trấn DC, huyện DC, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Quang K, sinh năm 1990.

Trú tại: Tổ 8, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn BL, xã HA, huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, Vũ Thanh T đã giao kết Hợp đồng thuê xe tự lái số 15/HĐCTXTL với anh Nguyễn Quang K tại cửa hàng kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái của anh K ở tổ 8, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nội dung hợp đồng thể hiện xe cho thuê là loại xe TOYOTA COROLLA, biển kiểm soát 21A-059.57, số khung ZE1227506415, số máy 44541441ZZ; thời gian thuê xe từ 10 giờ 00 phút ngày 31-8-2018 đến 10 giờ 00 phút ngày 31-12-2018; giá thuê xe là 600.000 đồng/một ngày.

Sau khi thuê xe, Vũ Thanh T đã điều khiển xe lên huyện BQ, tỉnh Hà Giang để làm ăn. Đến ngày 24-9-2018, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên T đã mang chiếc xe trên đến cửa hàng cầm đồ của anh Nguyễn Mạnh L làm hợp đồng cầm cố để vay số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận cầm cố chiếc ô tô trên, đến đầu tháng 11 năm 2018 anh L đã điều khiển xe ô tô này gây tai nạn bị hư hỏng. Ngày 12-11-2018, T gọi điện báo cho anh K biết về chiếc xe bị hư hỏng do tai nạn nên ngày 14-11-2018, anh K đã lên huyện BQ, tỉnh Hà Giang gặp T và cùng nhau đến hiệu sửa chữa xe TH tại tổ 06, thị trấn Q, huyện BQ, tỉnh Hà Giang để kiểm tra xe. Thấy xe bị hư hỏng nặng nên anh K yêu cầu T phải sửa chữa, khôi phục lại chiếc xe như ban đầu đồng thời phải bồi thường thêm một khoản tiền vì xe bị giảm sút giá trị do tai nạn và trả tiền thuê xe cho anh K số tiền là 50.000.000 đồng. T đưa ra hai thỏa thuận với anh K: Một là, T sẽ chịu trách nhiệm sửa xe sau đó trả tiền thuê xe cùng số tiền bồi thường tổng cộng là 50.000.000 đồng và hẹn khoảng một tháng sau sẽ lấy xe ra để trả cho anh K (bút lục 96); hai là, nếu anh K bán xe thì T sẽ mua. Anh K đồng ý nếu T có đủ tiền mua xe thì anh K sẽ bán chiếc xe đó cho T với giá 290.000.000 đồng, nhưng vì T chưa có đủ tiền nên giao dịch mua bán xe không thực hiện được.

Cùng ngày 14-11-2018, T đã nhờ anh K chở đi vay tiền. Khi đến cổng nhà anh Nguyễn Mạnh L thì T xuống xe bảo anh K ở ngoài đợi, T một mình đi vào nhà anh L thỏa thuận bán chiếc xe ô tô nêu trên với anh L. Anh L yêu cầu T cho xem đăng ký xe, T đi ra ngoài và nói dối anh K là cho mượn đăng ký xe để nhờ người định giá chiếc xe, tin lời T nên anh K đã đưa đăng ký xe cho T. Sau khi xem xong đăng ký xe, anh L đồng ý mua chiếc xe ô tô 21A-059.57 với giá 250.000.000 đồng. Anh L và T thống nhất sẽ trừ số tiền 67.000.000 đồng mà T đã vay của anh L từ trước, anh L sẽ trả trước cho T 50.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào T rút hồ sơ gốc và bàn giao đăng ký xe thì anh L sẽ thanh toán hết. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T đến nhà anh L lấy số tiền 50.000.000 đồng như đã thỏa thuận từ trước mang về nhà nghỉ thanh toán cho anh K là tiền thuê xe và tiền bồi thường. Sau khi mua xe của T, anh L đã bán xe chiếc xe đó cho một người

khác qua facebook. Quá hạn hợp đồng, không thấy T mang xe về trả nên ngày 31-01-2019 anh K đã gửi đơn tố cáo T đến Cơ quan điều tra Công an huyện Y. Đến ngày 15-5-2019 anh L lấy lại chiếc xe giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, Vũ Thanh T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các lời khai trước và sau có nhiều mâu thuẫn.

Ngoài ra, bị cáo T còn dùng điện thoại số thuê bao 0961.386.823 nhắn tin cho anh L xúi giục anh L khai báo sai sự thật (bút lục 46, 47, 48).

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 05-6-2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Giá chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu TOYOTA, loại COROLLA, màu sơn đen năm 2005 do Việt Nam sản xuất, biển kiểm soát 21A-059.57 có giá trị là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Bản cáo trạng số 12/CT-VKSYB ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Vũ Thanh T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án số: 26/2020/HS-ST ngày 27-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thanh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Thanh T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17-10-2019.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự phạt bị cáo Vũ Thanh T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử ngày 29 tháng 7 năm 2020 bị cáo Vũ Thanh T có đơn kháng cáo kêu oan với nội dung: Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái căn cứ vào lời khai một chiều không trung thực và thiếu căn cứ của anh Nguyễn Quang K cho rằng bị cáo phạm tội là không đúng sự thật và đã hình sự hoá quan hệ dân sự trong việc bị cáo thuê xe ô tô của anh K. Việc bị cáo không lấy được xe để trả lại cho anh K là vì anh K đã đồng ý bán xe và anh L đã đồng ý mua xe. Bị cáo không phải không có khả năng thanh toán theo như cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Vũ Thanh T vẫn giữ nguyên kháng cáo kêu oan, bị cáo cho rằng bản thân không phạm tội.

- Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

+ Triệu tập đến phiên toà phúc thẩm những người tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm gồm: Bà Đỗ Thị D - Chánh án Tòa án nhân dân huyện Y và bà Trần Anh Đ - Thẩm phán chủ tọa phiên toà.

+ Vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Yên Bái;

+ Hành vi của bị cáo T đã thực hiện chỉ là quan hệ dân sự trong việc mua bán tài sản. Giao dịch mua bán xe giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Mạnh L có sự đồng ý của anh K nên bị cáo mới thực hiện giao dịch bán xe ô tô cho anh L. Nên đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự huỷ bản án sơ thẩm số: 26/2020/HS-ST ngày 27-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái và tuyên bị cáo không phạm tội, trả tự do cho bị cáo tại phiên toà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo nằm trong hạn luật định; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự

+ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo;

+ Sửa bản án sơ thẩm số: 26/2020/HS-ST ngày 27-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái theo hướng bị cáo phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Khi nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định. Nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về đề nghị của người bào chữa cho bị cáo yêu cầu triệu tập đến phiên toà phúc thẩm bà Đỗ Thị D - Chánh án Tòa án nhân dân huyện Y và bà Trần Anh Đ - Thẩm phán chủ tọa phiên toà, là những người tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm. Xét thấy: Việc thực hiện và tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Đỗ Thị D và bà Trần Anh Đ đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 268, Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Do đó, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Vũ Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội và kêu oan với lý do: Việc bị cáo thuê chiếc xe ô tô biển kiểm soát 21A-059.57, loại COROLLA ALTIS của anh Nguyễn Quang K để đi làm ăn. Sau khi thuê được xe, do thiếu tiền trả công cho thợ nên bị cáo đã mang xe cầm cố cho anh Nguyễn Mạnh L để vay số tiền 50.000.000 đồng thì bị cáo có gọi điện cho anh K và được anh K đồng ý. Sau khi xe bị tai nạn, được sự đồng ý của anh K bị cáo mua chiếc xe này và bán với giá 250.000.000 đồng. Bản thân bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tài sản, nên bị cáo không phạm tội Lạm dụng tín nhiệm tài sản như bản án sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo và anh K đều thừa nhận ngày 31-8- 2018 tại cửa hàng kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái của anh K tại tổ 8, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Bị cáo và anh K đã giao kết Hợp đồng thuê xe tự lái số 15/HĐCTXTL (bút lục 66-69). Nội dung hợp đồng thể hiện xe cho thuê là loại xe TOYOTA COROLLA, biển kiểm soát 21A-059.57, số khung ZE1227506415, số máy 44541441ZZ, thời gian thuê xe từ 10 giờ 00 phút ngày 31-8-2018 đến 10 giờ 00 phút ngày 31-12-2018; giá thuê xe là 600.000 đồng/một ngày. Tại mục 3 Điều 4 trong Hợp đồng thuê xe có thỏa thuận quy định về trách nhiệm và quyền của bên thuê xe như sau: *“Sử dụng xe đúng mục đích, đúng lộ trình theo quy định của hợp đồng. Tuyệt đối không giao xe cho người khác sử dụng dưới bất kỳ hình thức sử dụng nào. Nghiêm cấm sử dụng xe thuê để tập lái, cho thuê lại, bán, cầm cố hay thế chấp”*. Sau khi thuê được xe ô tô của anh K, bị cáo điều khiển xe đi huyện BQ, tỉnh Hà Giang để làm ăn. Nhưng vì cần tiền trả công thợ nên bị cáo đã cầm cố chiếc xe trên cho anh Nguyễn Mạnh L vay 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra anh K đều khai khi bị cáo đem xe của anh K đi cầm cố cho L, bị cáo không thông báo và hỏi ý kiến của anh K, nên anh K không biết việc này (bút lục 160, 170, 190). Đến ngày 12-11-2018 T gọi điện thông báo cho anh K xe bị tai nạn và hư hỏng nặng, bị cáo không nói lý do tại sao xe bị tai nạn nên ngày 14-11-2018 anh K lên huyện BQ, tỉnh Hà Giang và cùng bị cáo đem xe đi kiểm tra. Thấy xe bị hư hỏng nặng nên anh K yêu cầu bị cáo phải sửa xe, bồi thường thiệt hại giá trị xe do tai nạn và tiền thuê xe cho anh K. Bị cáo đồng ý và hẹn anh K một tháng sau sẽ lấy xe về trả cho anh K, nếu không sẽ mua lại chiếc xe đó với giá là 290.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi sửa chữa xong chiếc xe ô tô biển kiểm soát 21A-059.57, bị cáo lấy xe về nhưng không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận với anh K. Ngày

14-11-2018 bị cáo đã bán chiếc xe trên cho anh L với giá 250.000.000 đồng. Do không biết chiếc xe đó là bị cáo thuê của K, nên L đồng ý mua và đưa trước tiền đặt cọc mua xe là 50.000.000 đồng và thỏa thuận khi nào bị cáo rút được hồ sơ về sẽ trả nốt số tiền còn thiếu (bút lục 206). Quá thời hạn không thấy bị cáo trả xe hoặc mua lại chiếc xe trên anh K viết đơn đến Công an huyện Y, tỉnh Yên Bái tố cáo hành vi của T (bút lục 170, 172).

Xét thấy: Lời khai của bị cáo Vũ Thanh T phù hợp với lời khai của người bị hại anh Nguyễn Quang K; phù hợp với lời khai của Nguyễn Mạnh L; phù hợp với vật chứng thu giữ; kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 31-8-2018, bằng việc giao kết hợp đồng thuê xe tự lái, bị cáo T sau khi nhận được tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu COROLLA, loại ALTIS, màu sơn đen biển kiểm soát 21A-059.57 có giá trị là 240.000.000 đồng (giá trị xe sau khi bị tai nạn và sửa chữa lại) của anh K và sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp, đã tự ý mang đi cầm cố cho anh L. Việc bị cáo tự ý cầm cố chiếc xe ô tô cho anh L là trái pháp luật. Sau đó, bị cáo tự ý bán chiếc xe trên cho anh L dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho anh K. Do đó, hành vi của bị cáo Vũ Thanh T đã phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự. Vì vậy, bản án sơ thẩm kết án bị cáo Vũ Thanh T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

Việc bị cáo và người bào chữa cho rằng: Hành vi mà bị cáo đã thực hiện chỉ là quan hệ dân sự trong việc mua bán tài sản. Giao dịch mua bán xe giữa bị cáo và anh L đã thực hiện là được sự đồng ý của anh K, nên bị cáo mới bán xe cho anh L. Tuy nhiên, bị cáo và người bào chữa không đưa ra được bất cứ tài liệu nào để chứng minh việc bị cáo đem chiếc xe ô tô biển kiểm soát 21A-059.57 bán cho anh L, là được sự đồng ý của anh K. Mặt khác, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của anh K, không thể hiện khi bị cáo bán xe cho anh L có hỏi ý kiến của anh K và được anh K đồng ý. Lập luận của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ, không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo. Cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2020/HS-ST ngày 27-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Những nội dung đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo tại phiên toà là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thanh T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 27-7-2020 của Tòa án nhân huyện Y, tỉnh Yên Bái như sau:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thanh T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản .

Về hình phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Vũ Thanh T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17-10-2019.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Thanh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT I);
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Yên Bái;
- Tòa án, VKS, CA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Trại giam; Bị hại; Bị cáo; Người bào chữa;
- Người có quyền lợi NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Thu Hương

